

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ - ST

Ngày 25/12/2018

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Đình Duy Quyết** và ông **Đình Công Hiến**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1981; địa chỉ thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N; (Có mặt tại phiên toà).

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1983; địa chỉ thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N; (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06 tháng 9 năm 2018, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: giữa chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Đỗ Văn Đ, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện V. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn X, xã G, huyện V. Chị T và anh Đ chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, hai vợ chồng không có con, vợ chồng đã đi khám nhiều nơi kết quả do anh Đ bị lãnh tính, dẫn đến vợ chồng cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau, chị T

đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn X, xã G, huyện V, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 cho tới nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung; chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ không có con chung.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung; chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Anh Đỗ Văn Đ đã được Toà án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Đỗ Văn Đ (là bị đơn trong vụ án) đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập họp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 04/01/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, hai vợ chồng không có con, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2016 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh Đỗ Văn Đ cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ không có con chung. Vì vậy không xem xét giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn Đ được ly hôn;

2. Về con chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001109 ngày 11/9/2018.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THAM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành